TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 21-8-2020
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Trâm và ông Bùi Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Giáp Thị Thu Ly – Thư ký Tòa án của Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng *tham gia phiên toà:* Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn, xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 01 năm 2018, trong quá trình xét xử và đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà Lê Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn ngày 19 tháng 3 năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẩn, do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Nay bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T, việc ly hôn bà đã suy nghĩ kỹ và tự nguyện.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 15-02-2002 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 23-6-2004. Hiện nay Nguyễn Văn T đã thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Thị Thanh T hiện đang sống cùng với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu giao con chung Nguyễn Thị Thanh T cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Tài sản chung, tài sản nợ chung, nợ riêng đều không có. Khi ly hôn không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt không rõ lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo nhiều lần nhưng ông T đều vắng mặt, nên Tòa án không lấy được lời khai của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay. Đại điện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T ly hôn. Chấp nhận yêu cầu của bà Hiên về giao con chung. Giao con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 23-6-2004 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản không xem xét giải quyết. Buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tại phiên tòa bà Lê Thị H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông T. Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông T. Ông T hiện đang cư trú tại huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Do đó, căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn ngày 19 tháng 3 năm 2001, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, quan hệ vợ chồng của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, việc bà H yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, có cơ sở xác định bà H và ông T có hai con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 15-02-2002 và Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 23-6-2004. Hiện nay Nguyễn Văn T đã thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để tự nuôi mình. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Nguyễn Thị Thanh T hiện đang sống cùng với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu giao con chung Nguyễn Thị Thanh T cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng của con chung đều muốn sống cùng với mẹ, bà H có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, cần ổn định cuộc sống của con chung và lợi ích của con chung nên cần giao con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 23-6-2004 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản nợ chung của vợ chồng: xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, điều này cho thấy bị đơn tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh tại khoản 4 của Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí: Bà Lê Thị H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 23-6-2004 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con; thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; thay đổi mức cấp dưỡng của các đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sư sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0009511 ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh. Bà H đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Di Linh;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã H, D, LĐ;
- Chi cục thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Huỳnh Thị Mỹ Lệ